Tác động của trí tuệ nhân tạo đến đào tạo kỹ năng sản xuất chương trình truyền hình tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Impact of artificial intelligence on training in television programme production skills at the Academy of Journalism and Communication

ThS. ĐINH MẠNH CƯỜNG
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: manhcuong.tv.yb@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/07/2026 Ngày phản biện: 06/8/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/10/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: *Bài viết tiếp cận từ lý luận báo chí - truyền thông, các khuyến nghị của UNESCO và dữ liệu thực chứng từ Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình (áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền để phân tích tác động của trí tuệ nhân tạo đến các khâu: tiền kỳ, tác nghiệp sản xuất, hậu kỳ, kiểm chứng tư liệu và kiểm tra - đánh giá. Kết quả phân tích đối sánh giữa chương trình đào tạo năm 2024 và năm 2026 cho thấy cơ sở đào tạo đã bước đầu thể chế hóa năng lực số và trí tuệ nhân tạo vào chuẩn đầu ra (PLO3, PLO9, PLO11, PLO12) và bổ sung các học phần mới như Báo chí - truyền thông dữ liệu, Tin học ứng dụng. Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo vẫn đối diện với những hạn chế về sự tích hợp chưa đồng đều trong hệ thống học phần cốt lõi, phương pháp đánh giá quá trình và quy chuẩn đạo đức liêm chính học thuật đối với sản phẩm tạo sinh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất 5 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chuẩn chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, thiết lập cơ chế đánh giá quá trình và nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo; đào tạo báo chí - truyền thông; kỹ năng sản xuất chương trình truyền hình; chuẩn đầu ra; học viện Báo chí và Tuyên truyền.*

Abstract: *Drawing on journalism and communication theory, UNESCO recommendations, and empirical data from the undergraduate Journalism programme specializing in Television at the Academy of Journalism and Communication (applicable to students admitted from 2026 onwards), this article analyzes the impact of artificial intelligence (AI) on various stages of television programme production, including pre-production, production and field reporting, post-production, source verification, and assessment. A comparative analysis of the 2024 and 2026 curricula shows that the institution has begun to incorporate digital and AI competencies into its programme learning outcomes (PLO3, PLO9, PLO11, and PLO12) and introduce new courses, such as Data Journalism and Communication, Applied Informatics. However, current training practices still face several limitations, including uneven integration of AI into core courses, shortcomings in formative assessment methods, and the lack of clear ethical standards for academic integrity in relation to AI-generated products. On this basis, the article proposes five groups of solutions to improve programme standards, innovate teaching methods, establish mechanisms for formative assessment, and strengthen lecturers' competencies in the context of digital transformation.*

Keywords: *artificial intelligence; journalism and communication education; television programme production skills; programme learning outcomes; Academy of Journalism and Communication.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục đại học nói chung và đào tạo báo chí - truyền thông nói riêng. Ngày 26 tháng 01 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, xác định nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số quốc gia (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Đối với giáo dục đại học khối khoa học xã hội và nhân văn, đào tạo báo chí không thuần túy là việc hướng dẫn kỹ thuật sử dụng công cụ mà gắn liền với việc hình thành bản lĩnh chính trị, tư duy phản biện và trách nhiệm xã hội của người làm báo trước công chúng (Nguyễn Văn Dững, 2012).

Báo chí truyền hình là loại hình truyền thông đặc thù, kết hợp chặt chẽ giữa hình ảnh động, âm thanh hiện thực, kịch bản và nghệ thuật biên tập (Dương Xuân Sơn, 2009). Trong môi trường số, các công nghệ AI tham gia ngày càng sâu vào các khâu tìm kiếm đề tài, gợi ý kịch bản, xử lý âm thanh, nhận diện hình ảnh, tạo phụ đề tự động và phân phối sản phẩm đa nền tảng. Sự xuất hiện của các công cụ tạo sinh hình ảnh, video và giọng nói cũng làm phát sinh những rủi ro về sai lệch nguồn tin, mờ hóa trách nhiệm tác giả và vi phạm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và tác động của AI đến đào tạo kỹ năng sản xuất chương trình truyền hình trên cơ sở dữ liệu thực chứng từ cơ sở đào tạo là yêu cầu cần thiết nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và phân tích thực chứng:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng để tổng hợp, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược quốc gia về AI (Thủ tướng Chính phủ, 2021), các khung khuyến nghị của UNESCO về AI trong giáo dục và đào tạo nhà báo (Miao, F. & Holmes, W., 2023), các công trình lý luận báo chí - truyền hình (Dương Xuân Sơn (2009), Giáo trình Báo chí truyền hình, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội; Nguyễn Văn Dững (2012), Cơ sở lý luận báo chí, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội; Owens, J. (2019), Television production (17th ed.), Routledge, New York; Zettl, H. (2015), Television production handbook (12th ed.), Cengage Learning, Boston) và các nghiên cứu về tự động hóa báo chí (Beckett, C. (2019), New powers, new responsibilities: A global survey of journalism and artificial intelligence, Polis, London School of Economics and Political Science, London; Diakopoulos, N. (2019), Automating the news: How algorithms are rewriting the media, Harvard University Press, Cambridge, MA; Kothari, A. & Hickerson, A. (2020), "Challenges for journalism education in the era of automation", Media Practice and Education, 21(3)).

Phương pháp nghiên cứu trường hợp (Case study) được triển khai tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (AJC) thông qua việc phân tích toàn văn Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí, chuyên ngành Báo truyền hình (Mã ngành: 7320101, tổng số 130 tín chỉ, ban hành áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 - Khóa 46) do Viện Báo chí - Truyền thông quản lý. Tác giả phân tích cấu trúc 13 Chuẩn đầu ra (PLOs), sơ đồ cây tiến trình đào tạo 8 học kỳ, ma trận liên kết giữa 72 học phần với PLOs, ma trận phương pháp giảng dạy - học tập, bảng hình thức kiểm tra đánh giá, cùng bản đối sánh giữa chương trình năm 2024 (15 PLOs) và chương trình năm 2026.

Phương pháp phân tích số liệu thực tế được thực hiện dựa trên dữ liệu khảo sát chính thức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2025 đối với 57 nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo ngành báo chí, kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên chuyên ngành Báo truyền hình Khóa 41 trước tốt nghiệp, cùng số liệu thống kê về đội ngũ 33 giảng viên cơ hữu, 24 giảng viên thỉnh giảng và hệ thống cơ sở vật chất, phòng thực hành, học liệu của nhà trường phục vụ chương trình đào tạo.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khung tiếp cận lý luận về đào tạo kỹ năng sản xuất truyền hình trong môi trường số

Theo lý luận báo chí học, báo chí là một thiết chế xã hội có chức năng thông tin, giáo dục, định hướng dư luận và phản ánh hiện thực (Nguyễn Văn Dững, 2012). PGS.TS. Dương Xuân Sơn xác định đặc trưng cốt lõi của truyền hình là sự kết hợp giữa ngôn ngữ hình ảnh động, âm thanh và lời bình trong một cấu trúc kịch bản chặt chẽ, lấy tính hiện thực làm nền tảng thuyết phục công chúng (Dương Xuân Sơn, 2009). Jim Owens nhấn mạnh rằng sản xuất truyền hình đòi hỏi người làm nghề phải nắm vững quy trình tổng hợp từ tiền kỳ, ghi hình hiện trường đến biên tập hậu kỳ và kiểm soát phân phối sản phẩm (Owens, J., 2019).

Khi công nghệ AI phát triển, UNESCO đưa ra khuyến nghị việc ứng dụng AI trong đào tạo báo chí phải tuân thủ nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, bảo đảm tính minh bạch, bảo vệ dữ liệu và liêm chính học thuật (UNESCO, 2023-2024. Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tăng năng suất xử lý dữ liệu và tự động hóa thao tác kỹ thuật, nhưng không thay thế được tư duy độc lập, kỹ năng tác nghiệp thực địa và trách nhiệm xã hội của nhà báo (Beckett, C., 2019); (Kothari, A. & Hickerson, A., 2020).

3.2. Thực trạng chương trình đào tạo Báo truyền hình tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong mối liên hệ với năng lực AI

Phân tích Chương trình đào tạo Cử nhân Báo truyền hình (áp dụng từ năm 2026) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho thấy chương trình có tổng khối lượng 130 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh), gồm 44 tín chỉ Giáo dục đại cương và 86 tín chỉ Giáo dục chuyên nghiệp. Về mặt mục tiêu và chuẩn đầu ra, chương trình năm 2026 đã tinh gọn từ 15 PLOs (năm 2024) xuống 13 PLOs, trong đó các thành tố về công nghệ số và AI đã được xác lập cụ thể:

Ở chuẩn đầu ra kiến thức, PLO3 yêu cầu người học: "Sử dụng được kiến thức tin học và ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và tiếp cận tài liệu chuyên ngành; đánh giá được mức độ phù hợp của công cụ công nghệ và nguồn tài liệu ngoại ngữ trong hoạt động báo chí - truyền thông". PLO4 và PLO5 tích hợp tri thức về "công nghệ truyền thông số" và "nguyên lý khai thác, ứng dụng dữ liệu trong báo chí - truyền thông".

Ở chuẩn đầu ra kỹ năng, PLO8 quy định năng lực "sử dụng thiết bị và phần mềm chuyên dụng để sản xuất sản phẩm báo chí... tổ chức sản xuất, phân phối và quản trị nội dung trên nền tảng số và mạng xã hội... thu thập, xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu". Đặc biệt, PLO9 đã chỉ rõ yêu cầu: "vận dụng phù hợp công nghệ số và các công cụ AI để hỗ trợ sản xuất nội dung báo chí - truyền thông".

Ở chuẩn đầu ra tự chủ và trách nhiệm, PLO11 và PLO12 nhấn mạnh "năng lực số, khả năng học tập suốt đời, thích ứng và điều chỉnh phương thức làm việc phù hợp với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp" và năng lực quản lý công việc "trong bối cảnh chuyển đổi số của báo chí - truyền thông". PLO13 đặt ra yêu cầu nhất quán về "đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội... tôn trọng quyền con người và thượng tôn pháp luật trong môi trường truyền thông hiện đại".

Về cấu trúc môn học, chương trình năm 2026 bổ sung học phần bắt buộc mới là Báo chí - truyền thông dữ liệu (Mã học phần: BCE41038, 5 tín chỉ, giảng dạy bằng tiếng Anh tại Học kỳ 7). Đồng thời, học phần Tin học ứng dụng (Mã học phần: ĐC41005, 3 tín chỉ tại Học kỳ 1) được mô tả cụ thể nội dung trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng "máy tính, internet, trí tuệ nhân tạo, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu". Khối kiến thức thực hành nghề nghiệp được tăng cường với việc nâng thời lượng Khóa luận/Tác phẩm tốt nghiệp từ 6 lên 8 tín chỉ (Mã học phần: BC46012) và học phần Thực tập từ 4 lên 6 tín chỉ (Mã học phần: BC46003).

Về khảo sát thực tiễn, số liệu khảo sát năm 2025 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đối với 57 nhà tuyển dụng cho thấy 89,19% nhà tuyển dụng hài lòng tổng thể với chất lượng sinh viên tốt nghiệp (trong đó 97,3% hài lòng về kiến thức chuyên môn; 89,19% hài lòng về năng lực ứng dụng kiến thức; 83,78% hài lòng về kỹ năng tư duy độc lập). Khảo sát cũng chỉ ra 100% cơ quan được hỏi có nhu cầu tuyển dụng nhân lực báo chí hàng năm, bao gồm nhu cầu sản xuất video trên nền tảng số của các tòa soạn báo điện tử. Đồng thời, khảo sát đối với sinh viên Khóa 41 trước tốt nghiệp (năm 2025) cho thấy 88,7% sinh viên chuyên ngành Báo truyền hình hài lòng về chương trình đào tạo.

3.3. Tác động của trí tuệ nhân tạo đến các khâu đào tạo kỹ năng sản xuất chương trình truyền hình

Căn cứ vào cấu trúc các học phần nghiệp vụ trong chương trình đào tạo (như Tác phẩm báo truyền hình - BC41023, Sản xuất video - BC41020, Hậu kỳ tác phẩm truyền hình - BC41102, Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình - BC41025, Kỹ thuật công nghệ truyền thông số - BC41061) và thực tiễn đào tạo, tác động của AI được thể hiện rõ trên từng khâu tác nghiệp:

Ở khâu tiền kỳ, việc sinh viên sử dụng các công cụ AI hỗ trợ tra cứu tài liệu, lập dàn ý đề tài và phân tích bối cảnh giúp tiết kiệm thời gian chuẩn bị theo yêu cầu của PLO8 và PLO9. Tuy nhiên, nếu thiếu sự hướng dẫn và kiểm soát sư phạm, sinh viên có thể lạm dụng văn bản tạo sinh để thay thế quá trình khảo sát hiện trường và tiếp xúc nhân vật, làm suy giảm tính phát hiện thực tế của đề tài truyền hình.

Ở khâu tổ chức sản xuất và tác nghiệp hiện trường, các công nghệ tự động hóa trên thiết bị (nhận diện gương mặt, cân bằng sáng, lấy nét bám đuổi) hỗ trợ sinh viên trong quá trình ghi hình tại studio và ngoại cảnh. Dù vậy, theo nguyên lý kỹ thuật truyền hình của Herbert Zettl đề cập đến việc quá phụ thuộc vào chế độ tự động có thể khiến người học lơ là việc rèn luyện kỹ năng

kiểm soát ánh sáng, góc máy và bố cục khung hình theo ý đồ biên tập (Herbert Zettl, 2015).

Ở khâu hậu kỳ tác phẩm truyền hình, các tính năng AI trong phần mềm dựng (tự động bóc băng lời thoại thành văn bản, nhận diện cảnh quay, xử lý tạp âm) giúp sinh viên tối ưu hóa quy trình kỹ thuật trong học phần Hậu kỳ tác phẩm truyền hình (BC41102, 3 tín chỉ). Thách thức đặt ra là người học cần làm chủ quyết định cắt dựng và nhịp điệu biên tập, tránh để các thuật toán tự động làm mất đi tính biểu cảm và dụng ý nghệ thuật của tác giả (Diakopoulos, N., 2019).

Ở khâu kiểm chứng tư liệu, sự xuất hiện của các định dạng âm thanh, hình ảnh và video tạo sinh (Deep-fake, Synthetic Media) đòi hỏi kỹ năng xác minh nguồn tin của sinh viên phải mở rộng sang việc kiểm tra dấu vết số và dữ liệu hình ảnh. Điều này đặt ra yêu cầu cụ thể đối với các học phần như Báo chí - truyền thông dữ liệu (BCE41038) và Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông (BC42306) trong việc trang bị phương pháp thẩm định tư liệu (UNESCO, 2023).

Ở khâu kiểm tra - đánh giá, ma trận đánh giá của chương trình đào tạo năm 2026 cho thấy các học phần thực hành truyền hình (BC41023, BC41020, BC41102, BC41025) chủ yếu áp dụng hình thức đánh giá qua Bài tập lớn/Dự án và Tác phẩm. Khi sinh viên có thể ứng dụng AI tạo sinh vào viết kịch bản, dựng phụ đề và hòa âm, việc chỉ đánh giá sản phẩm hoàn chỉnh cuối kỳ chưa phản ánh đầy đủ năng lực tác nghiệp thực tế nếu thiếu sự kiểm soát đối với quá trình sản xuất.

3.4. Những hạn chế và khoảng trống trong thực tiễn đào tạo

Đối sánh giữa quy định của chương trình đào tạo năm 2026 và yêu cầu thích ứng toàn diện với AI cho thấy 5 khoảng trống cần tiếp tục hoàn thiện:

Thứ nhất, về sự phân bổ chuẩn đầu ra AI trong ma trận học phần: Mặc dù PLO9 đã nêu rõ yêu cầu vận dụng AI, nhưng trong ma trận liên kết học phần với PLOs, mức độ đóng góp của nhiều học phần nghiệp vụ truyền hình cốt lõi (như Tác phẩm báo truyền hình - BC41023, Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình - BC41025) đối với PLO9 mới chỉ dừng ở mức độ L2 (mức hiểu) hoặc chưa được định danh rõ mức độ đóng góp cao (H4, H5).

Thứ hai, về nội dung học phần chuyên sâu: Trừ học phần Tin học ứng dụng (ĐC41005) đề cập trực tiếp đến trí tuệ nhân tạo và Báo chí - truyền thông dữ liệu (BCE41038) tập trung vào dữ liệu, các học phần kỹ thuật truyền hình như Sản xuất video (BC41020) và Hậu kỳ tác phẩm truyền hình (BC41102) trong phần mô tả tóm tắt vẫn nhấn mạnh vào kỹ năng quay dựng truyền thống mà chưa nêu rõ nội dung giảng dạy về quản trị và kiểm soát công cụ AI tạo sinh.

Thứ ba, về phương pháp kiểm tra - đánh giá: Bảng phương pháp kiểm tra đánh giá của chương trình năm 2026 đã đa dạng hóa các hình thức (tác phẩm, bài tập lớn, vấn đáp), nhưng chưa quy định bắt buộc về việc nộp hồ sơ minh chứng quá trình (nhật ký hiện trường, file dữ liệu thô, bản khai báo sử dụng AI) đi kèm sản phẩm tác phẩm truyền hình.

Thứ tư, về quy định liêm chính học thuật và đạo đức AI: Mặc dù học phần Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông (BC42306, 3 tín chỉ) và chuẩn đầu ra PLO13 đặt yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp, nhà trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể quy định về tỷ lệ cho phép, phạm vi ứng dụng và các hành vi bị cấm khi sử dụng AI tạo sinh trong các bài tập thực hành sản xuất chương trình truyền hình.

Thứ năm, về cơ sở vật chất và bồi dưỡng giảng viên: Thống kê của chương trình đào tạo cho thấy Học viện có 33 giảng viên cơ hữu (gồm 4 Phó Giáo sư, 20 Tiến sĩ, 9 Thạc sĩ) và 24 giảng viên thỉnh giảng là các chuyên gia, nhà báo từ các cơ quan báo chí lớn như VTV, VOV, Báo Nhân Dân; hệ thống cơ sở vật chất gồm 17 phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành với diện tích sàn 3.709 m2 và 01 phòng học đa phương tiện 100 m2. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ giảng viên về các phần mềm phát hiện nội dung tạo sinh và kỹ năng sư phạm tích hợp AI vẫn cần được tổ chức thường xuyên và có hệ thống hơn.

4. Các định hướng giải pháp đổi mới đào tạo kỹ năng truyền hình

4.1. Nâng cao mức độ tích hợp chuẩn đầu ra AI vào đề cương chi tiết các học phần nghiệp vụ

Cần tiếp tục cụ thể hóa chuẩn đầu ra PLO9 và PLO11 vào đề cương chi tiết của từng học phần sản xuất truyền hình. Trong các học phần Sản xuất video (BC41020), Hậu kỳ tác phẩm truyền hình (BC41102), Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình (BC41025) và Tác phẩm báo truyền hình nâng cao (BC41101), cần bổ sung mục tiêu đào tạo cụ thể về việc làm chủ phần mềm AI, hiểu rõ giới hạn của thuật toán và năng lực chịu trách nhiệm biên tập đối với sản phẩm hoàn thiện.

4.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp thực địa và mô phỏng tòa soạn số

Trên cơ sở ma trận phương pháp giảng dạy của chương trình năm 2026 (đã bao gồm: dạy học qua dự án, dạy học qua tình huống, đóng vai mô phỏng và nghiên cứu thực địa), giảng viên cần thiết kế các bài tập tình huống tác nghiệp gắn liền với thực tiễn. Sinh viên được phép ứng dụng công cụ AI để hỗ trợ tìm kiếm tài liệu và tối ưu hóa xử lý kỹ thuật, nhưng bắt buộc phải trực tiếp thực hiện việc tiếp cận nhân vật, khảo sát hiện trường và ghi hình thực tế, bảo đảm không thay thế trải nghiệm thực địa bằng nội dung tạo sinh.

4.3. Hoàn thiện quy trình kiểm tra - đánh giá: Tích hợp đánh giá sản phẩm và đánh giá hồ sơ quá trình

Trong các học phần kết thúc bằng hình thức chấm tác phẩm hoặc bài tập lớn dự án, cơ sở đào tạo cần bổ sung quy định sinh viên phải nộp kèm Hồ sơ sản xuất tác phẩm. Hồ sơ này bao gồm: nhật ký tác nghiệp hiện trường, các tệp ghi âm và ghi hình gốc, cùng bản kê khai mức độ sử dụng các công cụ AI (nêu rõ công cụ, mục đích sử dụng và các câu lệnh đã thực hiện). Quy trình này giúp giảng viên đánh giá chính xác năng lực độc lập của sinh viên, bảo đảm tính khách quan và công bằng học thuật.

4.4. Xây dựng quy chuẩn đạo đức và liêm chính học thuật về sử dụng AI trong thực hành báo chí

Cơ sở đào tạo cần cụ thể hóa chuẩn đầu ra PLO13 thành quy chế liêm chính học thuật chuyên biệt đối với việc sử dụng AI trong đào tạo báo chí - truyền hình. Quy chuẩn cần xác định rõ các nguyên tắc: không sử dụng công nghệ tạo sinh hình ảnh, âm thanh tổng hợp để ngụy tạo chứng cứ báo chí trong các thể loại tin tức, phóng sự; không đưa thông tin bí mật đời tư của nhân vật vào các nền tảng AI công cộng; và bắt buộc phải chú thích minh bạch khi có sử dụng đồ họa kỹ xảo AI trong tác phẩm.

4.5. Phát triển năng lực sư phạm số cho đội ngũ giảng viên và nâng cấp cơ sở thực hành

Dựa trên nguồn lực đội ngũ 33 giảng viên cơ hữu và 24 giảng viên thỉnh giảng hiện có, nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên môn định kỳ theo Khung năng lực AI dành cho giáo viên của UNESCO (2024). Nội dung tập huấn tập trung vào phương pháp thiết kế học phần tích hợp công nghệ số, kỹ năng kiểm chứng nội dung Deepfake bằng các phần mềm chuyên dụng và phương pháp đánh giá sản phẩm học tập trong môi trường số. Đồng thời, cần tiếp tục khai thác hiệu quả phòng thí nghiệm (Lab), thực hành và phòng học đa phương tiện để phục vụ giảng dạy các học phần công nghệ mới như Báo chí - Truyền thông dữ liệu và Kỹ thuật công nghệ truyền thông số.

5. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo đang tác động sâu rộng đến quy trình sản xuất chương trình truyền hình và đặt ra yêu cầu tái cấu trúc công tác đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học Báo chí - Truyền thông. Phân tích thực chứng Chương trình đào tạo Cử nhân Báo truyền hình (áp dụng từ năm 2026) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho thấy cơ sở đào tạo đã chủ động cập nhật chuẩn đầu ra (PLO9, PLO11, PLO12) và bổ sung các học phần mới nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Để nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn tiếp theo, việc hoàn thiện chuẩn chương trình, đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá theo hướng kết hợp đánh giá quá trình và ban hành khung quy chuẩn đạo đức sử dụng AI là những định hướng cần thiết. Quan điểm xuyên suốt là công nghệ AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ; năng lực quan sát hiện thực, tư duy phản biện, kỹ năng tác nghiệp hiện trường và đạo đức nghề nghiệp của người làm báo vẫn là những giá trị cốt lõi quyết định chất lượng của tác phẩm báo chí truyền hình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Beckett, C. (2019). *New powers, new responsibilities: A global survey of journalism and artificial intelligence*. Polis, London School of Economics and Political Science.

2. Diakopoulos, N. (2019). *Automating the news: How algorithms are rewriting the media. Harvard University Press*.

3. Dương Xuân Sơn. (2009). *Giáo trình Báo chí truyền hình*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

4. European Commission. (2019). *Ethics guidelines for trustworthy AI.* High-Level Expert Group on Artificial Intelligence.

5. Kothari, A. & Hickerson, A. (2020). *Challenges for journalism education in the era of automation*. Media Practice and Education, 21(3), 212-228.

6. Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO Publishing.

7. Nguyễn Văn Dững. (2012). *Cơ sở lý luận báo chí*. Nhà xuất bản Lao động.

8. Owens, J. (2019). *Television production (17th ed.)*. Routledge.

9. Russell, S., & Norvig, P. (2021). *Artificial intelligence: A modern approach (4th ed.)*. Pearson.

10. Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.*

11. UNESCO. (2023). *Reporting on artificial intelligence. A handbook for journalism educators: UNESCO Publishing.*

12. UNESCO. (2024). *AI competency framework for teachers. UNESCO Publishing.*

13. Zettl, H. (2015). *Television production handbook (12th ed.)*. Cengage Learning.